

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Đ
TỈNH Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HSST
Ngày 29/03/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH Q

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tuấn Anh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông **Trần Văn Nam**

2, Ông **Lưu Xuân Giới**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Nhung** - Thư ký, Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q tham gia phiên tòa:** Ông **Hoàng Minh Công** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2023/HSST ngày 08 tháng 03 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: PHẠM NGỌC C (không có tên gọi khác); Sinh ngày 04 tháng 11 năm 1985, tại, thị xã Đ, tỉnh Q; Nơi thường trú: tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn D (đã chết); con bà Lâm Thị T, sinh năm 1955; Vợ con: chưa có;

Tiền sự: Chưa có.

Tiền án: ngày 17/7/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Q xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 25/4/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: ngày 31/12/2011, bị Công an phường C, quận L, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ”. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 08/12/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người chứng kiến:**

1. Ông Phạm Quang B, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

2. Anh Ngô Văn K, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/12/2022, tại khu vực đường liên khu thuộc tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Công an thị xã Đ phát hiện bắt quả tang Phạm Ngọc C có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi áo khoác bên trái C đang mặc 01 (một) coóng thủy tinh, bên trong có bám chất tinh thể màu trắng và 01 (một) túi nilon màu trắng, kích thước (4x7,5)cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng.

Tại bản kết luận giám định số 1956/KL-KTHS ngày 13/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi nilon thu giữ của Phạm Ngọc C là ma túy, loại Methamphetamine khối lượng 0,305 gam (không phải ba không năm gam); Chất tinh thể màu trắng bám dính trong chiếc coóng là ma túy, loại Methamphetamine (dạng vệt, không xác định được khối lượng).

(Methamphetamine là chất ma túy thuộc danh mục II, STT: 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất).

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Ngọc C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Về nguồn gốc ma túy bị thu giữ, C khai: Trưa ngày 07/12/2022, tại khu vực Bến xe M, thành phố H, C được một người đàn ông tên A (không rõ lai lịch, địa chỉ) cho 01 (một) túi nilon ma túy Methamphetamine để sử dụng. Sau đó, C cầm theo túi ma túy trên về nhà ở tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ cất giấu để sử dụng. Đến khoảng 23 giờ ngày 08/12/2022, một mình C cầm theo túi nilon ma túy và chiếc coóng (do C nhặt được) từ nhà đi bộ đến đoạn đường liên khu thuộc khu V, phường M để tìm nơi sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại Bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-ĐT, ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q truy tố bị cáo Phạm Ngọc C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Ngọc C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2022.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Bộ luật tố tụng hình sự;

01 (một) phong bì niêm phong số: 1956/KL-KTHS ngày 13/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q gồm: lượng ma túy hoàn lại sau giám định là chất Nhà nước

cầm lưu hành và 01 coóng thủy tinh dùng để sử dụng ma túy là vật không có giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tranh luận, bị cáo Phạm Ngọc C không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai. Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Ngọc C tại phiên tòa thể hiện: khoảng trưa ngày 07/12/2022 bị cáo lái xe tải thuê từ phường M lên thành phố H để trả hàng thì có gặp một người bạn tên A khoảng 40 tuổi (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại bến xe M. Qua quá trình nói chuyện thì anh A biết bị cáo sử dụng ma túy nên đã đưa cho bị cáo 01 (một) gói ma túy để bị cáo về sử dụng. Bị cáo cầm gói ma túy đã anh A cho cất giấu trong người rồi quay về nhà tại khu V, phường M, thị xã Đ để chờ sử dụng. Đến khoảng 23 giờ ngày 08/12/2022, do có nhu cầu sử dụng ma túy đã nên bị cáo đã cầm gói ma túy cất giấu trong túi áo khoác bên trái bị cáo đang mặc và lấy coóng thủy tinh có sẵn ở nhà dùng để sử dụng ma túy đã rồi đi ra khỏi nhà để tìm địa điểm sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt giữ. Lời khai nêu trên của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của những người chứng kiến ông Phạm Quang B và anh Ngô Văn K, với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23 giờ 15 phút ngày 08/12/2022 và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 00 giờ 45 phút ngày 09/12/2022 tại tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ, Kết luận giám định số: 1956/KL-KTHS ngày 13/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/12/2022, tại khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q, Phạm Ngọc C đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,305 gam (không phải ba không năm gam) ma túy, loại Methamphetamine mục đích để sử dụng thì bị Công an thị xã Đ bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

- Người chứng kiến ông Phạm Quang B vắng mặt có lời khai trong hồ sơ thể hiện:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/12/2022 khi ông đang ở nhà thì được lực lượng Công an mời ra đoạn đường dân sinh thuộc tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ để chứng kiến việc lực lượng Công an bắt quả tang 01 nam thanh niên có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại chỗ nam thanh niên khai nhận tên là Phạm Ngọc C, sinh năm 1985, trú tại: tổ 1, khu V, phường M, thị xã Đ. Quá trình kiểm tra lực lượng Công an phát hiện tại túi áo ngực phía trong bên trái của áo khoác nam thanh niên đang mặc có một coóng thủy tinh uốn cong đầu có bầu tròn bám dính chất tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (4x7,5)cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy. C khai nhận chất tinh thể màu trắng trong túi nilon nói trên là ma túy đá, C cất giấu để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt giữ. Sau đó lực lượng Công an tiến hành lập biên bản, thu giữ và niêm phong vật chứng (bút lục 33).

- Người chứng kiến anh Ngô Văn K vắng mặt có lời khai trong hồ sơ thể hiện:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/12/2022 anh đang đi có việc riêng ở khu Vĩnh H, phường M, thị xã Đ thì thấy lực lượng Công an nên tò mò đến gần để xem. Khi anh đến gần thì được lực lượng Công an mời chứng kiến việc Công an kiểm tra một nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn. Quá trình kiểm tra lực lượng Công an phát hiện tại túi áo ngực phía trong bên trái của áo khoác nam thanh niên trên mặc có 01 coóng thủy tinh uốn cong đầu có bầu tròn bám dính chất tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (4x7,5)cm bên trong túi có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy). Tại chỗ nam thanh niên khai nhận tên là Phạm Ngọc C, sinh năm 1985, trú tại tổ 1 khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Anh thấy C khai chất tinh thể màu trắng trong túi nilon nói trên là ma túy đá. C cất giấu để sử dụng cho bản thân, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an kiểm tra, bắt giữ (bút lục 34).

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Phạm Ngọc C đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q đã quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến 05 game.

...”

Bị cáo Phạm Ngọc C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ ma túy là trái pháp luật. Nhưng vì thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, hành vi của bị cáo cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, tiếp tay cho các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy và là nguyên nhân gia tăng các loại tội phạm

khác. Mặt khác, bản thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 07 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội đồng thời về nhân thân của bị cáo đã từng bị Công an phường C, quận L, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ*” vào ngày 31/12/2011. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

01 (một) phong bì niêm phong số: 1956/KL-KTHS ngày 13/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q gồm: lượng ma túy hoàn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành và 01 coóng thủy tinh dùng để sử dụng ma túy là vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Liên quan trong vụ án có đối tượng tên An đã cho Phạm Ngọc C ma túy theo lời khai của C, quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí:

Buộc bị cáo Phạm Ngọc C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2022.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số: 1956/KL-KTHS ngày 13/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q gồm: lượng ma túy hoàn lại sau giám định và 01 (một) coóng thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

(Tình trạng các vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng số 42 lập vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 08/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q).

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Phạm Ngọc C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Trại tạm giam CA tỉnh Q;
- VKSND thị xã Đ;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Đ;
- Cơ quan CSĐT CA thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh

Phan Tuấn Anh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Đ
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 29 tháng 03 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Q

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Giỏi và ông Trần Văn Nam.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2023/HSST ngày 08 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Ngọc C, sinh năm 1985, tại Đ, Q; Nơi thường trú: tổ 1, khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đ, tỉnh Q.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Việc xác định vụ án có thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay không?

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

2. Xét tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập:

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đã được cơ quan Điều tra thu thập theo đúng thủ tục, trình tự mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định.

3. Việc xác định có hay không có căn cứ kết tội bị cáo:

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí có căn cứ kết tội bị cáo Trần Hoàng Hải phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

4. Việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc C;

5. Về hình phạt, các biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

-Về hình phạt:

Xử phạt Phạm Ngọc C.....tù. Thời hạn tù tính ngày 08/12/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo: Không

- Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự : Không

Kết quả biểu quyết 3/3 về hình phạt.

6. Việc xác định bị cáo có thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không?

Kết quả biểu quyết 3/3 nhất trí bị cáo không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

7. Về án phí hình sự, án phí dân sự, xử lý vật chứng, các vấn đề khác.

- Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Ngọc C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử lý vật chứng:

* Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số: 1956/KL-KTHS ngày 13/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q gồm: lượng ma túy hoàn lại sau giám định và 01 (một) coóng thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

(Tình trạng các vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng số 42 lập vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 08/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q).

Kết quả biểu quyết 3/3 nhất trí các nội dung trên.

8. Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Kết quả biểu quyết 3/3 nhất trí nội dung: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến

hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

9. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không có.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ.....phút....., ngày 29 tháng 03 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Tuấn Anh

Mẫu số **27-HS** (Ban hành kèm theo Nghị quyết số **05/2017/NQ-HĐTP** ngày 19 tháng 9 năm 2017

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)

Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾ tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:....../.../TLST-HS ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:....../.../QĐXXST-HS ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾ sinh ngày.....tháng..... năm.....tại

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾ ...

.....

- Bị hại:⁽¹⁷⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾

- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾

- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾ ...

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾

- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....

[2].....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....

⁽³⁰⁾ ...

(31) ...

...

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: [16/2017/HS-ST](#)).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)